

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ III - NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Quý III/2014	Quý III/2013	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3			4	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		259.274.188.135	269.644.822.006	764.336.024.519	705.565.260.595
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(221.533.261.407)	(268.226.783.663)	(682.657.871.920)	(695.173.878.294)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.297.296.594)	(2.363.276.791)	(9.622.653.863)	(9.333.311.154)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	(33.233.334)	(37.866.667)	(76.324.445)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.487.990.350)	(846.400.839)	(5.084.921.100)	(2.963.536.769)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.793.853.125	3.283.638.766	32.846.182.321	7.080.793.338
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.244.843.853)	(2.526.853.922)	(32.256.001.422)	(9.256.167.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.504.649.056	(1.068.087.777)	67.522.891.868	(4.157.163.906)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					0	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.463.000)	(4.166.475.292)	(7.664.362.759)	(11.833.316.382)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0		0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700.000.000)		(15.700.000.000)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	8.000.000.000	15.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.248.399)		(12.095.543)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		51.900.000		623.248.551	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		219.941.123	2.247.880.732	5.046.031.512	6.778.617.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(455.870.276)	6.081.405.440	(2.707.178.239)	(5.054.699.041)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					0	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0		0	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32		0		0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	6.000.000.000	0	17.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	(5.000.000.000)	(2.000.000.000)	(13.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0		0	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.545.354.750)		(8.628.169.750)	(2.541.748.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.545.354.750)	1.000.000.000	(10.628.169.750)	1.458.251.875
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		35.503.424.030	6.013.317.663	54.187.543.879	(7.753.611.072)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.832.885.475	18.268.969.063	24.148.765.626	32.035.897.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	78.336.309.505	24.282.286.726	78.336.309.505	24.282.286.726

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 16 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc

Phan Thị Hồng Phúc

Phan Thị Hồng Phúc

Lê Văn Mỹ

